

219	HSO268690062824	010616	Nguyễn Uy Mỹ	03/06/2011	Trường THCS Ta Minh Khâm	Tiếng Anh	6.50	6.00	9.25	5.20		9.6	9.6	32.15
220	HSO268690074108	010669	Phan Xuân Thùy	04/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.75	5.50	9.50	4.70		10	9.9	32.15
221	HSO268690074134	010654	Phạm Ngọc Hồng Phương	11/09/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Tiếng Anh	6.75	6.25	9.25	4.60		9.7	9.6	31.45
222	HSO268690059029	010588	Huỳnh Gia Huy	17/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.00	6.50	9.75	4.60		9.5	9.6	31.45
223	HSO268690059350	010586	Đỗ Gia Huy	16/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.25	5.00	9.25	5.40		9.7	9.4	31.30
224	HSO268690048882	010583	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	17/06/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	7.00	6.75	9.25	4.10		10	9.8	31.20
225	HSO268690075875	010653	Lê Nguyễn Ái Phương	21/01/2011	Trường THCS Ta Minh Khâm	Tiếng Anh	6.25	5.00	9.50	5.20		9.9	9.8	31.15
226	HSO268690049900	010632	Trần Huỳnh Bảo Ngọc	20/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.50	7.75	8.50	4.10		10	9.9	30.95
227	HSO268690048748	010585	Trần Thị Ngọc Hân	25/08/2011	Trường THCS Nguyễn Thị Hai	Tiếng Anh	6.50	5.50	8.00	5.40		9.5	9.8	30.80
228	HSO268690073496	010605	Nguyễn Bách Lâm	17/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	5.50	3.25	9.50	6.20		9.4	9.5	30.65
229	HSO268690079741	010655	Trần Mai Phương	10/12/2011	Trường THCS Tân Thạch	Tiếng Anh	4.75	5.50	9.00	5.60		9.7	9.5	30.45
230	HSO268690055859	010621	Giang Xuân Nghi	10/05/2011	Trường THCS Lê Hoàng Chiếu	Tiếng Anh	4.75	6.00	9.50	5.10		9.7	9.3	30.45
231	HSO268690089745	010547	Phạm Lê Trường An	20/03/2011	Trường THCS Phạm Viết Chánh	Tiếng Anh	4.75	4.00	8.75	6.40	TT04	9.7	9.2	30.30
232	HSO268690062240	010555	Nguyễn Hồng Ân	31/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	4.75	3.75	9.75	6.00		10	9.8	30.25
233	HSO268690055994	010614	Mai Hữu Nhật Minh	21/02/2011	Trường Trung học cơ sở Phú Long	Tiếng Anh	6.50	3.50	9.25	5.40		9.7	9.6	30.05
234	HSO268690087246	010576	Lê Phương Quỳnh Giang	14/08/2011	THCS Đặng Thị Hai	Tiếng Anh	6.50	4.75	9.00	4.90		10	9.5	30.05
235	HSO268690057594	010564	Nguyễn Phúc Minh Châu	09/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	5.50	4.75	9.25	5.20		9.7	9.2	29.90
236	HSO268690050019	010690	Phạm Thanh Vy	20/09/2011	Trường THCS An Ngãi Trung	Tiếng Anh	6.50	6.00	9.75	3.80		9.8	9.7	29.85
237	HSO268690054442	010589	Võ Hoàng Huy	11/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.25	6.50	9.00	4.00		9.6	9.6	29.75
238	HSO268690074974	010676	Trương Ngọc Huỳnh Thư	14/09/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	5.75	4.00	9.25	5.10		10	9.9	29.20
239	HSO268690065862	010631	Trần Bảo Ngọc	13/12/2011	THCS LÊ THỊ TIỀN	Tiếng Anh	7.50	6.00	8.50	3.57		9.8	9.9	29.14
240	HSO268690058163	010103	Lưu Gia Phúc	14/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.25	10.00	10.00	9.00	TT02	9.9	9.9	45.25
241	HSO268690051196	010049	Trần Ngọc Khang	02/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.00	8.50	10.00	8.75		10	9.9	42.00
242	HSO268690059336	010041	Phạm Khánh Hưng	14/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.00	9.25	9.75	8.00	TT04	9.8	9.8	42.00
243	HSO268690068376	010039	Nguyễn Thanh Thuý Huyền	13/07/2011	Trường THCS Ba Tri	Toán học	6.00	10.00	9.75	8.00		10	9.8	41.75
244	HSO268690073777	010034	Nguyễn Huy Hoàng	30/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.50	8.00	8.75	9.00	TT04	9.7	9.8	41.25
245	HSO268690052549	010077	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	24/01/2011	Trường THCS Mỹ Nhơn	Toán học	7.50	8.75	8.50	8.25		10	9.9	41.25
246	HSO268690052805	010025	Lê Nguyễn Ánh Dương	15/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.25	9.50	9.75	7.25	TT04	9.7	9.9	40.00
247	HSO268690070740	010078	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	04/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.75	9.25	9.75	7.00	TT04	9.8	9.9	39.75
248	HSO268690090220	010055	Phạm Nguyễn Trung Kiên	01/01/2011	Trường Trung Học Cơ Sở Giồng Trôm	Toán học	7.00	9.25	10.00	6.75	TT04	10	9.9	39.75
249	HSO268690073243	010089	Nguyễn Phúc Nguyên	22/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.50	9.00	8.50	8.25	TT03	9.7	9.7	39.50
250	HSO268690087995	010130	Nguyễn Tuấn Tú	05/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.25	8.75	9.50	7.00		9.7	9.7	39.50
251	HSO268690071167	010044	Huỳnh Gia Khang	30/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.75	9.00	7.50	7.75		9.9	9.5	38.75
252	HSO268690052172	010007	Võ Đặng Khánh An	29/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.00	8.00	9.50	7.00		10	9.9	38.50
253	HSO268690073353	010108	Trần Thành Quý	08/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.75	7.00	8.75	7.75	TT04	9.4	9.7	38.00
254	HSO268690048771	010083	Tổng Lê Hoàng Ngọc	12/02/2011	Trường trung học cơ sở Tân Xuân	Toán học	6.25	8.25	8.00	7.50		10	9.8	37.50
255	HSO268690054024	010127	Nguyễn Thành Trọng	24/11/2011	Trường trung học cơ sở Lương Quới	Toán học	5.75	7.00	9.50	7.50		9.9	9.8	37.25

256	HSO268690050303	010014	Nguyễn Quang Bách	26/04/2011	Trường THCS Ngô Văn Cẩn	Toán học	6.75	8.75	9.00	6.25	TT03	9.9	9.6	37.00
257	HSO268690050823	010141	Nguyễn Ngọc Như Ý	13/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.00	8.50	10.00	6.00		10	9.8	36.50
258	HSO268690072854	010018	Lê Hữu Duy	05/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.00	7.00	7.50	7.75	TT04	9.4	9.6	36.00
259	HSO268690070203	010099	Lê Duy Phú	12/11/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Toán học	6.50	7.75	9.25	6.25		9.5	9.3	36.00
260	HSO268690079659	010050	Từ Minh Khang	16/12/2011	Trường THCS Tân Thạch	Toán học	6.50	8.25	9.25	6.00		9.9	9.8	36.00
261	HSO268690079953	010035	Lê Kim Hùng	05/01/2011	Trường THCS Tân Thạch	Toán học	6.58	8.75	9.00	5.75		9.9	9.8	35.83
262	HSO268690082610	010011	Võ Văn Anh	21/09/2011	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Đồn	Toán học	4.75	7.75	8.75	7.25		9.9	9.7	35.75
263	HSO268690062410	010114	Lê Đức Thịnh	29/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.50	7.75	9.50	6.50		9.8	9.8	35.75
264	HSO268690059505	010051	Lê Minh Khôi	12/02/2011	Trường THCS An Ngãi Tây	Toán học	5.00	8.50	8.50	6.75		9.9	9.6	35.50
265	HSO268690064676	010140	Nguyễn Khôi Vũ	09/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.00	8.25	9.25	6.00		9.9	9.7	35.50
266	HSO268690064481	010031	Võ Nguyễn Gia Hân	09/05/2011	Trường THCS Lê Hoàng Chiêu	Toán học	5.25	8.50	7.50	7.00		9.9	9.6	35.25
267	HSO268690068630	010038	Trần Gia Huy	16/02/2011	Trường THCS Tạ Minh Khâm	Toán học	5.50	8.25	7.75	6.75		9.9	9.5	35.00
268	HSO268690051572	010028	Nguyễn Khánh Đăng	26/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.75	7.25	9.00	6.50		9.7	9.8	35.00
269	HSO268690049269	010082	Phan Trần Bảo Ngọc	01/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.00	8.75	8.25	5.50	TT04	9.6	9.8	35.00
270	HSO268690055706	010001	Lê Hồ Thủy An	05/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.50	9.25	9.75	5.25		9.9	9.9	35.00
271	HSO268690052340	010052	Nguyễn Lâm Thanh Khôi	22/02/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Toán học	5.50	8.25	8.00	6.50	TT04	9.9	9.4	34.75
272	HSO268690054737	010093	Nguyễn Ngọc Nhi	18/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.75	8.25	8.50	5.50		10	10	34.50
273	HSO268690049828	010064	Nguyễn Quốc Minh	13/06/2011	Trường Trung học cơ sở Châu Bình	Toán học	8.00	7.75	9.75	4.50		9.9	9.8	34.50
274	HSO268690091682	010097	Đặng Nhật Phú	04/09/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Toán học	6.00	8.00	8.25	6.00	TT04	9.9	9.6	34.25
275	HSO268690053496	010013	Phạm Vũ Ân	05/05/2011	Trường Trung Học Cơ Sở Giồng Trôm	Toán học	6.50	7.50	8.25	6.00		9.9	9.5	34.25
276	HSO268690068085	010042	Nguyễn Ngọc Mai Hương	12/02/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Tư	Toán học	5.50	8.00	9.25	5.75		9.9	9.9	34.25
277	HSO268690093093	010086	Châu Thanh Kim Nguyên	16/04/2011	Trường Trung học cơ sở Trần Thị Nho	Toán học	8.00	8.25	9.25	4.25	TT04	10	9.8	34.00
278	HSO268690053931	010133	Tô Quang Vinh	06/04/2011	Trường THCS Tân Trung	Toán học	7.00	7.25	7.00	6.25		9.9	9.6	33.75
279	HSO268690092628	010098	Huỳnh Thiên Phú	25/05/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Toán học	5.25	7.25	8.75	6.25		9.9	9.1	33.75
280	HSO268690052010	010040	Lâm Gia Hưng	13/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.50	7.50	8.75	5.00		9.4	9.8	33.75
281	HSO268690080206	010112	Phạm Quang Thắng	05/08/2011	Trường THCS Tân Thạch	Toán học	6.00	9.00	9.00	4.75		10	9.8	33.50
282	HSO268690064068	010131	Phan Nguyễn Bách Tùng	07/12/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Toán học	6.67	8.50	8.75	4.75		10	9.6	33.42
283	HSO268690050265	010046	Nguyễn Phúc Khang	02/06/2011	Trường THCS Ngô Văn Cẩn	Toán học	7.00	8.00	9.25	4.50	TT04	10	9.8	33.25
284	HSO268690074271	010073	Lê Thị Kim Ngân	14/05/2011	Trường THCS Tân Lợi Thạnh	Toán học	7.00	7.75	6.25	6.00		9.9	9.7	33.00
285	HSO268690051298	010021	Hồ Ngọc Mỹ Duyên	09/03/2011	Trường trung học cơ sở Phước Ngãi	Toán học	6.75	7.00	8.50	5.25		9.9	9.8	32.75
286	HSO268690059158	010036	Ngô Minh Hùng	24/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.00	7.58	7.50	5.25		9.4	9.6	32.58
287	HSO268690070711	010088	Nguyễn Nhứt Thái Nguyên	22/11/2011	Trường THCS Sơn Đông	Toán học	6.25	8.00	9.25	4.50		9.9	9.7	32.50
288	HSO268690085167	010075	Trần Ngọc Kim Ngân	08/11/2011	Trường THCS Tân Thạch	Toán học	7.00	7.25	7.50	5.25	TT04	10	9.8	32.25
289	HSO268690064959	010079	Trần Khánh Nghi	29/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.00	7.50	8.25	5.25		9.5	9.8	32.25
290	HSO268690074255	010045	Huỳnh Nam Khang	16/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.75	8.50	8.50	4.75		9.2	9.2	32.25
291	HSO268690067270	010136	Nguyễn Đăng Tường Vy	26/02/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Toán học	6.50	7.00	7.50	5.50		9.9	9.8	32.00
292	HSO268690072693	010117	Nguyễn Hoàng An Thuyền	24/10/2011	Trường THCS Thành Thới A	Toán học	5.75	7.75	9.50	4.50		9.9	9.8	32.00

293	HSO268690053218	010005	Nguyễn Thị Phúc An	18/08/2011	Trường THCS Tân Trung	Toán học	4.75	8.50	6.75	5.75		10	9.9	31.50
294	HSO268690048948	010072	Đỗ Mai Ngân	11/06/2011	Trường THCS Bình Thành	Toán học	6.25	7.25	6.25	5.75		10	9.6	31.25
295	HSO268690049906	010085	Võ Thanh Hồng Ngọc	27/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.75	8.75	7.25	4.75		9.8	9.8	31.25
296	HSO268690071528	010027	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.25	7.00	10.00	4.50		9.6	9.8	31.25
297	HSO268690073310	010096	Trần Huỳnh Như	27/05/2011	Trường THCS Sơn Đông	Toán học	7.50	7.50	9.25	3.50		9.9	9.8	31.25
298	HSO268690062974	010063	Nguyễn Hoàng Minh	27/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.50	7.25	6.75	5.75		9.7	9.8	31.00
299	HSO268690073133	010104	Nguyễn Gia Phúc	26/11/2011	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHỢ LÁ	Toán học	4.50	8.25	7.25	5.25		9.9	9.3	30.50
300	HSO268690055908	010110	Phạm Trọng Thạch	26/09/2011	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát	Toán học	5.50	8.25	6.25	5.25		9.8	9.5	30.50
301	HSO268690070511	010066	Trịnh Quang Minh	21/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.25	7.00	8.75	4.25		9.3	9.6	30.50
302	HSO268690063234	010057	Huỳnh Tuấn Kiệt	19/10/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Toán học	6.50	8.25	8.25	3.75	TT04	9.9	9.6	30.50
303	HSO268690074259	010047	Phạm Phúc Khang	29/07/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Tư	Toán học	6.00	8.25	7.00	4.50		10	9.9	30.25
304	HSO268690061242	010003	Lê Nhựt An	17/12/2011	Trường THCS Tân Thạch	Toán học	5.75	6.50	9.00	4.50		9.6	9.6	30.25
305	HSO268690062887	010026	Nguyễn Thị Thùy Dương	09/04/2011	Trường Trung học cơ sở Thạnh Phú Đông	Toán học	6.50	8.00	5.50	5.00		9.7	9.4	30.00
306	HSO268690063133	010124	Lê Nguyễn Đức Trí	20/02/2011	Trường Trung học cơ sở Định Hòa	Toán học	5.50	7.50	8.00	4.50		10	9.8	30.00
307	HSO268690083548	010074	Nguyễn Thị Bảo Ngân	02/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.75	7.75	9.00	3.75		9.5	9.7	30.00
308	HSO268690087746	010113	Nguyễn Chí Thiện	02/10/2011	THCS Đặng Thị Hai	Toán học	4.00	8.25	7.00	5.25		10	9.6	29.75
309	HSO268690048923	010043	Đoàn Nguyễn Vĩnh Khang	19/12/2011	Trường THCS Ba Tri	Toán học	5.25	8.50	7.00	4.50		9.8	9.5	29.75
310	HSO268690065864	010180	Đỗ Ngọc Nguyễn Nhi	20/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	6.25	8.00	9.00	9.00	TT02	9.9	9.9	41.25
311	HSO268690074776	010176	Nguyễn Vĩnh Nguyên	08/08/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Vật lý	7.50	7.25	9.25	8.25		9.7	9.5	40.50
312	HSO268690053174	010173	Võ Nguyễn Như Ngọc	12/02/2011	Trường THCS Ba Tri	Vật lý	5.75	8.50	10.00	7.25		10	9.8	38.75
313	HSO268690049990	010182	Trần Gia Phát	19/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	6.50	8.00	8.50	7.50	TT03	10	9.8	38.00
314	HSO268690068824	010200	Trần Ngọc Đông Trúc	09/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	7.00	7.50	9.00	6.75		10	9.8	37.00
315	HSO268690055573	010195	Huỳnh Gia Nhật Tiến	11/07/2011	Trường THCS Ta Minh Khâm	Vật lý	5.00	7.50	8.00	8.00		9.9	9.7	36.50
316	HSO268690090215	010183	Nguyễn Thành Phong	05/10/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Vật lý	6.75	7.25	8.50	7.00	TT02	9.4	9.4	36.50
317	HSO268690088138	010178	Phan Gia Nguyễn	15/08/2011	Trường THCS Tiên Thủy	Vật lý	5.75	7.75	8.75	7.00		9.9	9.6	36.25
318	HSO268690090973	010144	Trần Gia Bảo	10/05/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Vật lý	5.25	6.75	8.75	7.25		9.1	9.4	35.25
319	HSO268690070448	010159	Trần Minh Khôi	13/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	4.25	7.75	7.00	8.00	TT04	9.8	9.7	35.00
320	HSO268690048890	010152	Lê Huỳnh Gia Huy	03/11/2011	Trường THCS Vĩnh Thành	Vật lý	5.25	6.00	8.25	7.75	TT04	10	9.7	35.00
321	HSO268690070994	010166	Nguyễn Ngọc Thảo My	28/05/2011	Trường THCS Tiên Thủy	Vật lý	5.75	8.00	9.25	6.00		9.6	9.6	35.00
322	HSO268690051113	010160	Vũ Quốc Anh Khôi	08/06/2011	Trường Trung học cơ sở Tam Phước	Vật lý	5.50	6.50	7.25	7.50		10	9.7	34.25
323	HSO268690054876	010198	Thái Doãn Triết	08/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	5.25	7.50	8.25	6.50		9.6	9.8	34.00
324	HSO268690052907	010158	Ta Ngọc Bảo Khánh	10/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	6.25	6.25	8.00	6.50		9.9	9.8	33.50
325	HSO268690057406	010148	Đinh Gia Hân	13/05/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Vật lý	4.75	7.75	9.50	5.75		9.4	9.6	33.50
326	HSO268690062936	010163	Nguyễn Phương Lam	16/03/2011	Trường THCS Ta Minh Khâm	Vật lý	3.75	5.75	9.25	7.25		9.7	9.6	33.25
327	HSO268690070811	010155	Nguyễn Ánh Vĩnh Khang	11/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	7.00	5.50	8.75	6.00	TT04	9.8	9.7	33.25
328	HSO268690092267	010157	Lê Đăng Khanh	28/03/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Vật lý	5.00	7.75	3.75	8.00	TT03	9.1	9.2	32.50
329	HSO268690050167	010149	Huỳnh Ngọc Khả Hân	21/09/2011	Trường THCS Phú Hưng	Vật lý	7.25	6.75	7.00	5.75		9.9	9.7	32.50